

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05-01-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh;

Bà Phan Thị Minh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1982; nơi cư trú: **Thôn T, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng**; có mặt

- **Bị đơn:** Anh **Ngô Văn T1**, sinh năm 1976; nơi cư trú: **Thôn T, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng**; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 23 tháng 10 năm 2023 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn **Nguyễn Thị T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh **Ngô Văn T1** từ ngày 22 tháng 9 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) **xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng** (Giấy chứng nhận kết hôn số 25). Vợ chồng chung sống

đến cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh T1 ham chơi bài bạc, thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ con cũng như cuộc sống gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả nên chị phải mang con về nhà mẹ đẻ ở từ giữa năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh T1.

Về con chung: Anh có 02 con là Ngô Văn T2, sinh ngày 22/6/2002 (đã chết ngày 26/12/2019); Ngô Thị Minh T3, sinh ngày 17/8/2011, đang do chị nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T3 đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, vì chị làm nghề kinh doanh nhỏ, thu nhập trung bình từ 8 triệu đồng đến 10 triệu đồng/tháng, có chỗ ở ổn định.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Ngô Văn T1 vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Thụy phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T4 ly hôn anh Ngô Văn T1.

- Về con chung: Giao cháu **Ngô Thị Minh T3**, sinh ngày 17/8/2011 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị **T** không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị **Nguyễn Thị T5** chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị **T** đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị **Nguyễn Thị T** xin ly hôn anh **Ngô Văn T1** và yêu cầu giải quyết nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy. Anh **T1** đang cư trú tại **xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng**; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, trên cơ sở lời khai và yêu cầu của nguyên đơn; Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh **T1** (bị đơn) nhưng anh **T1** không đến Tòa án để trình bày lời khai; tham gia hòa giải; từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do chính đáng, đến giai đoạn chuẩn bị xét xử; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh **T1** nhưng anh **T1** vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **T1**.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị T** xin ly hôn anh **Ngô Văn T1**; căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền **xã H** cung cấp thì hôn nhân của chị **Nguyễn Thị T** và anh **Ngô Văn T1** là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2011, do bất đồng quan điểm sống, anh **T1** thường xuyên uống rượu say xỉn, vô trách nhiệm với vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, chị **T** đã mang con về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Như vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; yêu cầu xin ly hôn của chị **T** có cơ sở chấp nhận nên xử cho chị **T** được ly hôn anh **T1** là phù hợp với các Điều

51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con chung là **Ngô Văn T2**, sinh ngày 22/6/2002 (đã chết năm 2019); **Ngô Thị Minh T3**, sinh ngày 17/8/2011, đang do chị **T** nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị **T** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **T3** đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị **T**; ý kiến trình bày của đại diện gia đình chị **T**, gia đình anh **T1** cũng như chính quyền **xã H** cung cấp thì chị **T** làm nghề kinh doanh nhỏ, thu nhập trung bình 9.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu **T3**, từ khi chị **T** mang cháu **T3** về nhà mẹ đẻ ở, chị **T** nuôi dưỡng cháu **T3** rất tốt. Anh **Tú** lao động tự do, thu nhập không ổn định, thường xuyên uống rượu say xỉn, mặt khác anh không thể hiện quan điểm, nguyện vọng của mình đến Tòa án, hơn nữa nguyện vọng của cháu **T3** được ở với chị **T** nên giao cháu **T3** cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh **T1** là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **Nguyễn Thị T** không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị T** được ly hôn anh **Ngô Văn T1**.
2. Về con chung: Giao cháu **Ngô Thị Minh T3**, sinh ngày 17/8/2011 cho chị **Nguyễn Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác

theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh **Ngô Văn T1**

Sau khi ly hôn, anh **Ngô Văn T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị T** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004610 ngày 25 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Thụy. Chị **T** đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **Nguyễn Thị T** có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh **Ngô Văn T1** có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Hữu Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu

